

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực
Đăng kiểm áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng
5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ
sung trong lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao
thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 101/TTr-SGTVT
ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi,
bổ sung lĩnh vực Đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận
tải tỉnh Kon Tum.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực
Đăng kiểm áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Có Danh mục các thủ tục hành
chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay
thế các thủ tục hành chính số: 1, 6 khoản I phụ lục kèm theo Quyết định số
213/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Kon Tum về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện theo đúng quy định. Chỉ đạo thực hiện việc công khai dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Công văn số 143/UBND-TTHCC ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (*để b/cáo*);
- Sở Giao thông vận tải;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Viễn Thông Kon Tum (*để phối hợp*);
- Lưu: VT, TTHCC.LTLH

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	BCCI
1	1.005018.000.00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	Nếu kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu.	Trung tâm Đăng kiểm 82.01.S Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 40.000 Đồng (Lệ phí cấp Giấy chứng nhận 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận); - Lệ phí: 90.000 Đồng (Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với ô tô con dưới 10 chỗ 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận); - Mức giá: 560.000 Đồng (Thay đổi hệ thống, tổng thành xe cơ giới, xe máy chuyên dùng 560.000 đồng/xe); - Mức giá: 910.000 Đồng (Thay đổi mục đích sử dụng (công dụng) của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng 910.000 đồng/xe). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 13/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	x	x	x
2	1.001001.000.00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định	Nếu thiết kế đạt yêu cầu, sau 05 ngày	Trung tâm phục	- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo 40.000	- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 13/05/2014 của Bộ	x	x	x

		thiết kế xe cơ giới cải tạo	làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế, cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.	vụ hành chính công tỉnh	đồng/ 01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận); - Giá thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo: 300.000 đồng/chiếc.	trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
--	--	-----------------------------	---	-------------------------	---	---	--	--	--